

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHĨA LỘ  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST

Ngày 24/11/2020.

V/v: Không công nhận là vợ  
chồng, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ - TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà La Thị Thắm.

2. Ông Ngô Quốc Tuấn.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký TAND thị xã Nghĩa Lộ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa:* Ông  
Đỗ Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10  
năm 2020 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
03/2020/QĐXX - ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị M (tên gọi khác: Đồng Thị M), sinh năm  
1979. Địa chỉ: Thôn C, xã Th, thị xã Ngh, tỉnh Y. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn Qu, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn H, xã Th, thị xã Ngh, tỉnh Y. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và bản tự khai chị Tống Thị M trình  
bày: Chị và anh Lò Văn Qu chung sống với nhau từ năm 2002, được gia đình hai  
bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn.  
Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do anh Qu hay rượu chè, cờ bạc, khi  
chị tham gia khuyên bảo thì không nghe mà có hành vi ngược đãi chị. Do vậy nên  
đời sống chung luôn căng thẳng mệt mỏi, năm 2010 không chịu được lối sống đó  
của anh Qu nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh Qu. Trong thời gian ly  
thân chị có được anh Qu và gia đình hai bên tham gia hòa giải để quay về đoàn tụ  
nhưng chị lo sợ về lại bị anh Qu ngược đãi nên không quay về. Thời gian chị và  
anh Qu ly thân đến nay đã được gần 10 năm, mỗi người một nơi, một công việc

không có sự quan tâm chia sẻ gì với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Qu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Qu có 02 con chung là Lò Thị D, sinh ngày 22/8/2003 và cháu Lò Văn H, sinh ngày 19/4/2009, chị có nguyện vọng được chăm lo trực tiếp cho cả hai con chung, không yêu cầu anh Qu phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị M đã nộp cho Tòa án chứng cứ là Đơn đề nghị về việc chị Tống Thị M và anh Lò Văn Qu không đăng ký kết hôn (có xác nhận của UBND xã Th), Đơn xin cấp CMND của Tống Thị M, CMND của anh Qu, Giấy khai sinh Lò Văn H, Lò Thị D và 02 Sổ hộ khẩu hộ của chị và anh Qu.

Tại bản tự khai ngày 03/11/2020 anh Lò Văn Qu trình bày: Việc anh và chị M chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Quá trình chung sống có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng phải ly thân gần 10 năm nay nguyên nhân chính là do anh hay uống rượu, khi say không làm chủ được hành vi nên có đánh chị M làm cho đời sống vợ chồng căng thẳng, cãi nhau thường xuyên. Khi chị M bỏ đi anh cũng có đi đón nhưng chị M cương quyết không về nên anh và chị M mỗi người một nơi, do điều kiện kinh tế nên anh thường xuyên phải đi làm ăn xa nhà. Giữa anh và chị M không quan tâm gì đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng đã hết nên anh cũng nhất trí với đề nghị ly hôn của chị M. Về con chung anh thừa nhận có 02 con chung như chị M khai và đồng ý việc chị M sẽ trực tiếp chăm lo cho cả hai con chung, anh không phải cấp dưỡng, tài sản chung anh Qu không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án lấy lời khai của cháu Lò Văn H cháu có nguyện vọng được ở với chị M, cháu Lò Thị D tự viết bản khai mong muốn được ở với mẹ. Tại phiên hòa giải về con chung và tài sản, chị M và anh Qu thỏa thuận thống nhất được với nhau việc cả hai con chung sẽ do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Qu không phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung cả anh và chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân tại địa phương nơi cư trú của chị M và anh Qu được UBND xã Th xác nhận: Chị M và anh Qu sống với nhau từ năm 2002 có được vận động đi đăng ký kết hôn theo quy định nhưng từ đó đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn của anh chị do anh Qu là người hay rượu chè nên chị M và anh Qu đã tự ly thân trong thời gian dài, con chung của anh chị ở với chị M.

Tại phiên tòa anh Qu vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai và phiên hòa giải, chị M không thay đổi yêu cầu và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận được với anh Qu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Qu; con chung công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh Qu: Chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lò Thị D và Lò Văn H, anh Qu không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tổng Thị M khởi kiện về ly hôn với anh Lò Văn Qu có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Th, thị xã Ngh. Theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, quan hệ pháp luật tranh chấp là: Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị M và anh Qu đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa anh Qu vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Qu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tổng Thị M và anh Lò Văn Qu chung sống với nhau từ năm 2002, có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Mặc dù có được chính quyền địa phương vận động nhưng anh chị từ đó đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm anh chị bắt đầu chung sống với nhau, tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định “ *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện.....Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*” và theo Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 thì “... nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Theo luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh yêu cầu quy định tại Điều 9 “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện....việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*” và quy định tại Điều 53 thì “ *trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*” . Như vậy, đối chiếu

với các quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình qua các thời kỳ kể từ khi chị M và anh Qu cùng chung sống đến nay thì quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Qu đều không được pháp luật công nhận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị M và anh Lò Văn Qu.

[3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là Lò Thị D, sinh ngày 22/8/2003 và cháu Lò Văn H, sinh ngày 19/4/2009. Chị M và anh Qu đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là chị M sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Qu không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận đó của chị M và anh Qu phù hợp với nguyện vọng của các con chung và hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức không trái quy định của pháp luật, vì vậy nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận đó của anh, chị. Quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị M và anh Qu đều không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội;

Căn cứ các Điều 14, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không công nhận chị Tống Thị M và anh Lò Văn Qu là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Tống Thị M và anh Lò Văn Qu về việc nuôi dưỡng con chung: Chị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lò Thị D, sinh ngày 22/8/2003 và Lò Văn H, sinh ngày 19/4/2009. Anh Qu không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tống Thị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp

300.000đồng theo biên lai thu số AA/2017/0007605 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ. Chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Qu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Th, TXNL;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Hạnh**